

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



Bài viết:

**“Tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin về tình hình nhập khẩu
máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác của Việt Nam
từ thị trường CPTPP tháng 9/2026”**

**Thuộc nhiệm vụ: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin
phục vụ triển khai Hiệp định CPTPP” năm 2026**

Hà Nội, năm 2026

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KHÁC TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP	4
1.1. Tổng quan hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP	4
1.2. Về thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP	5
1.3. Về chủng loại máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng nhập khẩu từ thị trường CPTPP	8
II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP.....	9
III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG	15

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ các thị trường lớn thuộc CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2026	7
Bảng 2: Thị trường cung cấp máy xây dựng trong 8 tháng đầu năm 2026.....	7
Bảng 3: Thị trường cung cấp chủng loại đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer trong 8 tháng đầu năm 2026	8
Bảng 4: Thị trường cung cấp máy sản xuất nhựa, cao su trong 8 tháng đầu năm 2026.....	8
Bảng 5: Thị trường cung cấp thiết bị đầu nối khác trong 8 tháng đầu năm 2026	8
Bảng 6: Thị trường cung cấp Tổ máy phát điện diesel trong 8 tháng đầu năm 2026...	9
Bảng 9: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Malaysia.....	10
Bảng 10: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Malaysia sang các thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026.....	12
Bảng 9: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Singapore sang các thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026	13
Bảng 10: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Singapore sang các thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026.....	14

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu 1: Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong thời gian 2025 – 2026	5
Biểu 2: Cơ cấu thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2026.....	5

TÓM TẮT

Trong 8 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác của Việt Nam từ thị trường CPTPP đạt 5,35 tỷ USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 11,3% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước. Với kết quả trên, CPTPP tiếp tục là nguồn cung ứng máy móc, thiết bị lớn thứ hai của Việt Nam, sau Trung Quốc. Đáng chú ý, cơ cấu nhập khẩu trong khối đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng của Nhật Bản và Anh, tăng tỷ trọng của Malaysia, Singapore, Mêhicô và Australia; trong khi Canada và New Zealand tương đối ổn định. Nhật Bản vẫn là nguồn cung lớn nhất, song tỷ trọng đã giảm từ 73,5% xuống 64,2%. Ngược lại, Malaysia và Singapore ghi nhận mức tăng trưởng lần lượt 72,2% và 104,8%, cho thấy vai trò ngày càng lớn trong nguồn cung máy móc, thiết bị cho Việt Nam.

Theo ước tính, trong tháng 9/2026, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này từ CPTPP đạt khoảng 680 triệu USD, tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 16,4% so với tháng 9/2025. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 6,03 tỷ USD, tăng khoảng 20,4% so với cùng kỳ năm trước.

Riêng trong tháng 8/2026, nhập khẩu từ CPTPP đạt 658 triệu USD, giảm 11,2% so với tháng 7/2026 nhưng tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2025. Diễn biến giảm theo tháng chủ yếu gắn với mức giảm 16,3% của nhập khẩu từ Nhật Bản, thị trường cung ứng lớn nhất trong khối.

Trong những tháng cuối năm 2026, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ CPTPP được dự báo tiếp tục duy trì xu hướng tăng, nhờ nhu cầu đầu tư, mở rộng sản xuất và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong nước, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và điện tử. Nhật Bản nhiều khả năng vẫn là nguồn cung chủ lực, trong khi Malaysia và Singapore tiếp tục đóng góp tích cực vào tăng trưởng. Tuy nhiên, triển vọng nhập khẩu còn phụ thuộc vào tiến độ triển khai các dự án đầu tư, biến động tỷ giá, chi phí logistics và tình hình kinh tế thế giới.

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KHÁC TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP

Theo ước tính, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác (*viết tắt là “máy móc, thiết bị”*) của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong tháng 9/2026 đạt khoảng 680 triệu USD, tăng 3,3% so với tháng 8/2026 và tăng 16,4% so với tháng 9/2025. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam ước đạt 6,03 tỷ USD, tăng khoảng 20,4% so với cùng kỳ năm 2025.

1.1. Tổng quan hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP

Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong tháng 8/2026 đạt 658 triệu USD, giảm 11,2% so với tháng 7/2026, nhưng tăng 14,8% so với tháng 8/2025. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam đạt 5,35 tỷ USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 11,3% tổng kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam.

Phân tích cơ cấu thị trường cho thấy, xu hướng sụt giảm nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam trong tháng 8/2026 chủ yếu xuất phát từ việc nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Nhật Bản — đối tác cung ứng lớn nhất trong khối CPTPP ghi nhận mức giảm khá mạnh so với tháng 7/2026. Tuy nhiên, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2026 vẫn duy trì đà tăng trưởng mạnh, với kim ngạch nhập khẩu tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị từ khối CPTPP dù chiếm 11,3% thị phần nhập khẩu máy móc, thiết bị trong 8 tháng đầu năm 2026, thấp hơn mức 29,3% của Trung Quốc nhưng vẫn duy trì vững chắc vị trí nguồn cung lớn thứ hai của Việt Nam.

Position	Năm 2025	Năm 2026
T1	470	550
T2	510	570
T3	620	730
T4	580	710
T5	540	700
T6	560	690
T7	590	740
T8	570	660
T9	580	
T10	620	
T11	580	
T12	680	

1.2. Thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP

Biểu 2: Cơ cấu thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2026

Quốc gia / Khu vực	Tỷ lệ (%)
Australia	73,5%
Malaysia	19,7%
Singapore	7,2%
Anh	4,3%
Mê Hi Cô	3,3%
Canada	0,9%
New Zealand	0,6%
Thị trường khác	0,0%

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Nhật Bản tiếp tục là nguồn cung máy móc, thiết bị lớn nhất cho thị trường Việt Nam trong CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2026, đạt 3,43 tỷ USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù, mức tăng này không cao như các thị trường còn lại nhưng Nhật Bản vẫn là thị trường quan trọng cung cấp mặt hàng máy móc, thiết bị cho Việt Nam. Tỷ trọng nhập khẩu từ Nhật Bản trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của toàn khối CPTPP giảm từ 73,5% trong 8 tháng đầu năm 2025 xuống còn 64,2% trong 8 tháng đầu năm 2026. Chứng tỏ, các doanh nghiệp nhập khẩu Việt Nam tiếp tục mở rộng thị phần nhập khẩu từ các quốc gia thành viên khác trong khối để không bị phụ thuộc vào thị trường lớn nhất này.

Trong khi đó, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ hai thị trường Malaysia và Singapore tiếp tục tăng mạnh trong 8 tháng đầu năm 2026. Nhập khẩu từ thị trường Malaysia, đạt 1,05 tỷ USD, tăng 72,2% so với cùng kỳ năm 2025, tỷ trọng nhập khẩu từ thị trường Malaysia trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của toàn khối CPTPP tăng từ 13,8% trong 8 tháng đầu năm 2025 lên mức 19,7% trong 8 tháng đầu năm 2026. Kết quả này khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của thị trường này trong cơ cấu nguồn cung máy móc, thiết bị sản xuất cho Việt Nam, nhờ sở hữu lợi thế về giá thành sản phẩm và chi phí vận chuyển trong khu vực.

Tiếp theo, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường Singapore về Việt Nam tăng rất mạnh trong 8 tháng đầu năm 2026, đạt 384,9 triệu USD, tăng 104,8% so với cùng kỳ năm 2025. Cùng với đó, tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2026 ở mức 7,2%, cao hơn so với tỷ trọng 4,2% trong 8 tháng đầu năm 2025. Chứng tỏ nhu cầu nhập khẩu của thị trường Việt Nam về trang thiết bị hiện đại của Singapore ngày càng lớn để đáp ứng cho ngành công nghệ cao.

Ngoài ra, nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị từ một số thị trường CPTPP khác có tốc độ tăng trưởng mạnh là nhập khẩu từ thị trường Anh đạt 210,6 triệu USD, tăng 9,8%; thị trường Mêhicô đạt 176,0 triệu USD, tăng 53,9%; Canada đạt 45,7 triệu USD, tăng 8,9%; Australia đạt 34,5 triệu USD, tăng 67,8%; New Zealand đạt 6,2 triệu USD, tăng 12,1%;... Với mức tăng trưởng khá cao của các thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2026 phản ánh chiến lược chủ động đa dạng hóa nguồn cung của doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam nhằm tận dụng lộ trình giảm thuế sâu trong khối CPTPP. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng cao từ nhóm thị trường châu Mỹ và động

lực mới từ thị trường Anh là cầu nối quan trọng giúp phân tán rủi ro logistics toàn cầu trước các biến động địa chính trị, tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp cận nguồn công nghệ cao phục vụ quá trình chuyển đổi sản xuất xanh và hiện đại.

Bảng 1: Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ các thị trường lớn thuộc CPTPP trong 8 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 8/2026 (nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng	658.032	-11,2	14,8	5.345.551	20,8	100,0	100,0
Nhật Bản	395.163	-16,3	-1,5	3.432.666	5,6	64,2	73,5
Malaysia	160.231	13,2	84,1	1.054.942	72,2	19,7	13,8
Singapore	50.188	1,6	87,3	384.852	104,8	7,2	4,2
Anh	20.414	-34,2	-40,2	210.626	9,8	3,9	4,3
Mêhicô	20.102	-43,4	18,6	176.016	53,9	3,3	2,6
Canada	4.414	6,5	25,0	45.707	8,9	0,9	0,9
Australia	7.205	19,4	162,6	34.509	67,8	0,6	0,5
New Zealand	314	-71,0	-67,0	6.234	12,1	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.3. Chủng loại máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng nhập khẩu từ thị trường CPTPP

+ Máy xây dựng:

Theo thông kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu máy xây dựng từ thị trường CPTPP về Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2026 đạt 219,2 triệu USD, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2025.

Đáng chú ý, nhập khẩu máy xây dựng chủ yếu từ thị trường Nhật Bản với kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm 2025. Ngoài ra, mặt hàng này còn được nhập khẩu khá lớn từ thị trường Australia, Canada và Singapore với kim ngạch nhập khẩu đều tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm 2025.

Bảng 2: Thị trường cung cấp máy xây dựng trong 8 tháng đầu năm 2026

+ Dầu nổi và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, dầu dò wafer:

Trong 8 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer từ CPTPP về Việt Nam đạt 164,7 triệu USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó, Nhật Bản và Singapore tiếp tục là 2 thị trường cung cấp lớn nhất, tiếp theo là Malaysia và Anh...Đáng chú ý, nhập khẩu từ ba thị trường Singapura, Mêhicô và Australia tăng rất mạnh, còn nhập khẩu từ Malaysia giảm khá mạnh.

Bảng 3: Thị trường cung cấp chủng loại đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer trong 8 tháng đầu năm 2026

+ Máy sản xuất nhựa, cao su

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu máy sản xuất nhựa, cao su từ CPTPP về Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2026 đạt 73,2 triệu USD, giảm mạnh 18,3% so cùng kỳ năm 2025.

Nhập khẩu máy sản xuất nhựa, cao su từ CPTPP giảm so với cùng kỳ năm 2025 là do nhập khẩu từ thị trường lớn nhất là Nhật Bản giảm. Nhập khẩu từ thị trường lớn thứ 2 là Malaysia cũng giảm mạnh. Trong khi đó, nhập khẩu máy này từ thị trường Canada mặc dù đạt kim ngạch chưa cao nhưng lại tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm 2025.

Bảng 4: Thị trường cung cấp máy sản xuất nhựa, cao su trong 8 tháng đầu năm 2026

+ Thiết bị đầu nối khác

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, 8 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu thiết bị đầu nối khác từ CPTPP về Việt Nam đạt 62,3 triệu USD, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Nhật Bản và Singapore là 2 thị trường cung cấp lớn nhất mặt hàng này cho Việt Nam. Tuy nhiên, nhập khẩu từ 2 thị trường này trong khi nhập khẩu từ thị trường Nhật bản giảm so với cùng kỳ năm 2025 thì nhập khẩu từ Singapore lại tăng mạnh.

Bảng 5: Thị trường cung cấp thiết bị đầu nối khác trong 8 tháng đầu năm 2026

+ Tổ máy phát điện diesel

Trong 8 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu tổ máy phát điện diesel từ CPTPP về Việt Nam đạt 40,6 triệu USD, tăng 29,7% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó, nhập khẩu nhiều từ 3 thị trường Anh, Singapore và Nhật Bản.

Bảng 6: Thị trường cung cấp Tổ máy phát điện diesel trong 8 tháng đầu năm 2026

II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP

*** Đánh giá chung:**

Bước sang quý cuối năm 2026, xu hướng chuyển dịch công nghệ toàn cầu đã đẩy năng lực cạnh tranh của nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng (mã HS 84 và HS 85) từ các thị trường thành viên CPTPP tại Việt Nam bước vào một giai đoạn phân hóa và định hình lại rõ rệt năng lực cạnh tranh của nhóm hàng này dựa trên hàm lượng công nghệ thông minh, giải pháp tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), khả năng số hóa dữ liệu và tính tương thích cao với hạ tầng tự động hóa. Đặc biệt, việc Thông tư số 56/2026/TT-BKHCN chính thức có hiệu lực từ ngày 05/9/2026 đã siết chặt các tiêu chí kỹ thuật, hiệu suất năng lượng và giới hạn tuổi thiết bị đối với máy móc đã qua sử dụng thuộc (HS 84) và (HS 85). Quy định mới này trực tiếp loại bỏ các dòng công nghệ lạc hậu giá rẻ, tạo lợi thế áp đảo cho các dòng máy móc công nghệ nguồn thế hệ mới từ khối CPTPP (như Nhật Bản, Singapore) nhằm đáp ứng chính xác chiến lược chuyển đổi số, xanh hóa dây chuyền sản xuất và đáp ứng quy tắc xuất xứ (ROO) khắt khe của các chuỗi cung ứng lớn tại Việt Nam.

Cơ cấu lại dòng vốn đầu tư dịch chuyển cũng tạo ra sự phân hóa mạnh mẽ về mặt trị giá thương mại giữa hai phân khúc hàng hóa. Trong khi nhóm máy móc cơ khí truyền thống, nồi hơi và thiết bị nhà xưởng (mã HS 84) có xu hướng bão hòa hệ thống do các dự án hạ tầng lớn chậm lại và chịu áp lực từ chi phí vận tải biển tăng cao, thì nhóm thiết bị điện, linh kiện vi mạch bán dẫn và cấu kiện viễn thông thông minh (mã HS 85) lại ghi nhận tốc độ tăng trưởng rất mạnh, trở thành động lực chính cho toàn khối.

***Thị trường Malaysia**

Malaysia từ lâu đã khẳng định vị thế là một trung tâm sản xuất và xuất khẩu

thiết bị công nghiệp quy mô lớn, đồng thời vững vàng ở vị trí nhà cung ứng máy móc, thiết bị lớn thứ hai của Việt Nam trong khối CPTPP. Năng lực chủ chốt của thị trường này tập trung mạnh mẽ vào phân khúc công nghệ cao với các dòng máy móc điện, linh kiện vi mạch và thiết bị bán dẫn; song song đó là năng lực chế tạo máy móc cơ khí cùng hệ thống thiết bị chuyên dụng phục vụ tối ưu cho hạ tầng số và các trung tâm dữ liệu hiện đại.

Tình hình xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Malaysia

Theo thống kê của ITC, xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Malaysia trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 25,9 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2025. Singapore là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 84 của Malaysia, chiếm tới 20,4% tỷ trọng. Tiếp đến là Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc,...

Trong khi đó, Việt Nam là thị trường nhập khẩu lớn thứ 6 nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Malaysia, đạt 1,28 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 116,6% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 4,9% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Malaysia trong 7 tháng đầu năm 2026.

Đáng chú ý, thị trường Malaysia không chỉ xuất khẩu nhóm hàng mã HS 84 sang Việt Nam tăng mạnh mà xuất khẩu sang một thị trường lớn cũng tăng mạnh là Hàn Quốc, Đài Loan. Tuy nhiên, lại giảm mạnh ở thị trường Mỹ, Trung Quốc. Diễn biến này chứng tỏ Việt Nam đang tận dụng rất hiệu quả các ưu đãi thuế quan đặc biệt từ Hiệp định CPTPP để gia tăng nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác từ Malaysia. Điều này không chỉ giúp các doanh nghiệp trong nước tối ưu hóa chi phí đầu vào mà còn góp phần củng cố chuỗi cung ứng bền vững nội khối.

Bảng 7: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Malaysia sang các thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	25.894.091	9,0	100,0	100,0
Singapore	5.282.443	9,2	20,4	20,4
Mỹ	4.261.782	-19,1	16,5	22,2
Trung Quốc	1.544.170	-20,3	6,0	8,2

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Hàn Quốc	1.508.219	113,4	5,8	3,0
Đài Loan	1.460.321	50,5	5,6	4,1
Việt Nam	1.275.367	116,6	4,9	2,5
Ấn Độ	1.244.230	59,0	4,8	3,3
Thái Lan	1.229.531	34,6	4,7	3,8
Nhật Bản	1.003.247	100,6	3,9	2,1
Australia	1.001.723	13,1	3,9	3,7
Indonesia	661.939	5,3	2,6	2,6
Đức	632.767	-28,8	2,4	3,7
Hà Lan	569.532	53,1	2,2	1,6
Hồng Kông	512.959	6,6	2,0	2,0
Mêhicô	478.243	-63,9	1,8	5,6
Philippin	341.026	14,1	1,3	1,3
Anh	335.806	35,0	1,3	1,0
Hunggary	227.215	80,6	0,9	0,5
Cộng Hoà Séc	212.822	223,4	0,8	0,3
Italy	130.889	43,2	0,5	0,4
Ba Lan	127.815	-0,4	0,5	0,5
UAE	122.752	0,2	0,5	0,5
Pháp	112.236	11,4	0,4	0,4
Braxin	103.880	54,6	0,4	0,3
New Zealand	88.589	48,1	0,3	0,3
Canada	88.124	-30,5	0,3	0,5
Thụy Điển	84.029	1.893,1	0,3	0,0
Tây Ban Nha	75.657	22,7	0,3	0,3
Ai Len	66.203	156,3	0,3	0,1

Nguồn: Theo thống kê của ITC

Nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Malaysia

Theo thống kê của ITC, nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Malaysia trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 143,0 tỷ USD, tăng 78% so với cùng kỳ năm 2025. Mỹ là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 85 của Malaysia, chiếm

26,1% tỷ trọng. Tiếp đến là Singapore, Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam,...

Việt Nam là thị trường nhập khẩu lớn thứ 6 nhóm hàng HS 85 của Malaysia trong 7 tháng đầu năm 2026, đạt 5,11 tỷ USD, tăng 85,7% so với cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng của Việt Nam trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Malaysia tăng từ 3,4% trong 7 tháng đầu năm 2025 lên 3,6% trong 7 tháng đầu năm 2026, cho thấy vai trò của thị trường Việt Nam ngày càng được nâng lên.

Bảng 8: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Malaysia sang một số thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	143.038.952	78,0	100,0	100,0
Mỹ	37.311.392	140,5	26,1	19,3
Singapore	22.436.382	43,2	15,7	19,5
Hồng Kông	16.979.292	67,7	11,9	12,6
Trung Quốc	14.990.455	58,7	10,5	11,8
Đài Loan	14.193.044	105,3	9,9	8,6
Việt Nam	5.114.405	85,7	3,6	3,4
Hà Lan	5.000.879	149,9	3,5	2,5
Thái Lan	4.881.146	83,5	3,4	3,3

Nguồn: Theo thống kê của ITC

***Thị trường Singapore**

Trong khối CPTPP, Singapore đóng vai trò là nguồn cung ứng công nghệ cao và là trạm trung chuyển chiến lược bậc nhất tại khu vực Đông Nam Á. Sở hữu lợi thế vượt trội về hạ tầng logistics hàng hải, thị trường này vận hành linh hoạt vai trò trạm trung chuyển vĩ mô, tạm nhập - tái xuất các hệ thống máy móc, thiết bị quy mô lớn toàn cầu về Việt Nam. Ở chiều cung ứng trực tiếp, năng lực lõi của Singapore tập trung vào các phân khúc thượng nguồn như vi mạch tích hợp, cấu kiện bán dẫn và giải pháp mạng chuyên dụng. Sự kết nối chặt chẽ này cùng bộ máy quản trị của các tập đoàn đa quốc gia tại đây không chỉ bảo đảm tính liên tục cho chuỗi sản xuất chế tạo trong nước, mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho tiến trình dịch chuyển, làm chủ công nghệ nguồn của doanh nghiệp Việt

Tình hình xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và

thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Singapore

Theo thống kê của ITC, xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Singapore trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 114,1 tỷ USD, tăng 55,2% so với cùng kỳ năm 2025. Đài Loan là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 84 của Singapore, chiếm tới 31,2% tỷ trọng. Tiếp đến là Trung Quốc, Mỹ, Mêhicô,...

Trong khi đó, Việt Nam là thị trường nhập khẩu lớn thứ 13 nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Singapore, đạt 1,54 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 65,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 1,4% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Singapore trong 7 tháng đầu năm 2026.

Thị trường Singapore không chỉ xuất khẩu nhóm hàng mã HS 84 sang Việt Nam tăng mạnh mà xuất khẩu sang một số thị trường lớn cũng tăng mạnh. Xu hướng xuất khẩu tăng trưởng mạnh của Singapore đối với Việt Nam không chỉ bảo vệ tính bền vững cho chuỗi công nghiệp nội khối, mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho tiến trình chuyển giao và làm chủ công nghệ nguồn của doanh nghiệp Việt Nam.

Bảng 9: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Singapore sang một số thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	114.074.966	55,2	100,0	100,0
Đài Loan	35.564.729	118,9	31,2	22,1
Trung Quốc	12.252.678	41,5	10,7	11,8
Mỹ	11.300.492	42,9	9,9	10,8
Mêhicô	8.444.273	291,8	7,4	2,9
Malaysia	6.326.598	-20,5	5,5	10,8
Hàn Quốc	5.471.209	29,8	4,8	5,7
Nhật Bản	4.263.227	26,0	3,7	4,6
Ấn Độ	3.869.715	43,8	3,4	3,7
Hồng Kông	3.589.975	16,8	3,1	4,2
Indonesia	3.267.167	-4,5	2,9	4,7
Australia	1.851.397	35,9	1,6	1,9
Anh	1.622.916	-11,8	1,4	2,5
Việt Nam	1.544.369	65,8	1,4	1,3

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Đức	1.533.989	87,6	1,3	1,1
Philippin	1.363.805	51,0	1,2	1,2

Nguồn: Theo thống kê của ITC

Nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Singapore

Theo thống kê của ITC, nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Singapore trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 170,8 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ năm 2025. Hồng Kông là thị trường nhập khẩu lớn nhất nhóm hàng HS 85 của Singapore, chiếm 20,9% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 40,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tiếp đến là Mỹ, Malaysia, Đài Loan và Trung Quốc,...

Việt Nam là thị trường lớn thứ 9 nhập khẩu nhóm hàng mã HS 85 của thị trường Singapore trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 6,7 tỷ USD, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 3,9% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Singapore trong 7 tháng đầu năm 2026, thấp hơn với mức 5,9% trong cùng kỳ năm 2025. Cho thấy nhu cầu nhập khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Việt Nam từ Singapore tiếp tục tăng trưởng ổn định.

Bảng 10: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Singapore sang một số thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	170.775.604	54,8	100,0	100,0
Hồng Kông	35.744.381	40,8	20,9	23,0
Mỹ	17.748.385	76,7	10,4	9,1
Malaysia	16.963.555	60,1	9,9	9,6
Đài Loan	17.004.012	97,2	10,0	7,8
Trung Quốc	14.964.968	23,5	8,8	11,0
Thái Lan	19.739.541	196,9	11,6	6,0

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Mêhicô	6.970.258	189,7	4,1	2,2
Hàn Quốc	7.926.809	60,8	4,6	4,5
Việt Nam	6.706.422	3,7	3,9	5,9
Indonesia	5.341.108	-4,9	3,1	5,1
Ấn Độ	3.873.306	20,2	2,3	2,9

Nguồn: Theo thống kê của ITC

III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG

Bước sang năm 2026, hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng của Việt Nam từ thị trường CPTPP ghi nhận những tín hiệu bứt phá đầy ấn tượng với kim ngạch nhập khẩu 8 tháng đầu năm đạt 5,35 tỷ USD, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2025. Trong 8 tháng đầu năm 2026, khối CPTPP hiện giữ vững tỷ trọng ổn định ở mức 11,3% thị phần và vẫn khẳng định vị thế là nguồn cung ứng máy móc lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ xếp sau thị trường Trung Quốc.

Mặc dù quy mô tổng thể vẫn thấp hơn nhiều so với thị trường dẫn đầu, nhưng CPTPP mang giá trị chiến lược rất quan trọng khi tập trung vào các nhóm hàng cơ khí chính xác, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị đóng ngắt mạch điện và thiết bị y tế kỹ thuật cao. Sự tăng trưởng này phản ánh rõ nét nhu cầu cải tiến chất lượng sản xuất và tái cấu trúc hạ tầng công nghiệp của Việt Nam, hướng tới việc thay thế dần các dây chuyền thiết bị có hiệu suất thấp bằng công nghệ tiên tiến đạt tiêu chuẩn toàn cầu.

Nhập khẩu mạnh nhờ lực đẩy mạnh mẽ từ khối FDI và cơ chế tự điều chỉnh của chuỗi cung ứng nội khối:

Động lực quan trọng thúc đẩy làn sóng nhập khẩu công nghệ này bắt nguồn từ sự mở rộng mạnh mẽ của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), khu vực hiện nắm giữ vai trò chủ đạo khi chiếm tới trên 94% kim ngạch xuất nhập khẩu của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nội địa. Khi các tập đoàn đa quốc gia này đẩy mạnh đầu tư vào các ngành công nghiệp thế hệ mới tại Việt Nam như sản xuất chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) hay năng lượng xanh, họ có xu hướng thiết lập các nhà xưởng có tính đồng bộ rất cao về mặt kỹ thuật.

Nhằm mục đích tối ưu hóa lợi ích thương mại để thành phẩm dán nhãn "Made in Vietnam" đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi 0% khi xuất khẩu ngược lại sang các

thị trường tiêu thụ lớn như Canada, Mêhicô hay Peru, khối FDI buộc phải tăng cường mua sắm máy móc, linh kiện chính gốc từ chính các nước thành viên như Nhật Bản, Singapore. Mỗi liên hệ hữu cơ này biến hoạt động nhập khẩu thiết bị từ CPTPP trở thành một mắt xích bắt buộc trong chiến lược đáp ứng “Quy tắc xuất xứ cộng gộp”, biến dòng vốn FDI thành đầu tàu kéo theo sự dịch chuyển và lan tỏa công nghệ từ các quốc gia phát triển vào hệ thống sản xuất tại Việt Nam.

Nhập khẩu có nhiều triển vọng từ các cam kết thuế quan mới và tác động từ các dấu mốc đối ngoại chiến lược:

Bên cạnh lực đẩy từ khu vực FDI, triển vọng nhập khẩu năm 2026 còn được cộng hưởng mạnh mẽ bởi lộ trình cắt giảm thuế quan sâu rộng của hiệp định đã bước vào giai đoạn thực thi cao độ, đưa hầu hết các dòng thuế máy móc thiết bị chính ngạch về mức 0%. Việc tiếp cận nguồn cung công nghệ cao trở nên thuận lợi và tối ưu hơn về mặt chi phí nhờ sự hỗ trợ đắc lực từ các công cụ quản trị số hóa.

Trong các đối tác CPTPP, có sự phân hóa tích cực khi Nhật Bản, Malaysia, Singapore tiếp tục duy trì vai trò chủ đạo đối với các dòng linh kiện cơ khí nặng và phụ tùng ô tô cốt lõi, trong khi Canada có nhiều triển vọng với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu nhóm hàng này tăng gần 70%. Ngoài ra, việc Việt Nam và Canada chính thức nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược vào cuối tháng 9/2026 đã mở ra cánh cửa cho các dòng máy móc công nghiệp nặng và thiết bị năng lượng tái tạo chất lượng cao dễ dàng vào thị trường Việt Nam, định hình một cấu trúc cung ứng công nghệ đa dạng và an toàn hơn.

Rủi ro tài chính, rào cản kỹ thuật từ chính sách mới và thách thức nội tại của doanh nghiệp trong nước:

Tuy nhiên, hành trình hiện đại hóa sản xuất này vẫn phải đối mặt với không ít thách thức mang tính ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt là áp lực từ các bất ổn kinh tế toàn cầu và rào cản pháp lý trong nước gia tăng trong năm 2026. Rủi ro biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) với các đồng tiền mạnh nội khối như Yên Nhật (JPY) hay Đô la Singapore (SGD) đang đẩy chi phí nhập khẩu máy móc, thiết bị lên cao, nhất là trong bối cảnh Việt Nam ghi nhận mức nhập siêu phục vụ đầu tư sản xuất tăng mạnh làm hao tổn đáng kể biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thêm vào đó, việc áp dụng Thông tư số 56/2026/TT-BKHCN từ tháng 9/2026

với những quy định ngặt nghèo nhằm siết chặt niên hạn và tiêu chuẩn giám định kỹ thuật đối với máy móc đã qua sử dụng đang tạo ra bộ lọc lớn loại bỏ các thiết bị cũ giá rẻ ngoài khối nhưng lại gây áp lực tài chính đè nặng lên nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs). Khi hơn 94% giá trị máy móc nhập khẩu cao cấp vẫn đang bị chi phối bởi các doanh nghiệp FDI, các rào cản về vốn, năng lực quản trị dữ liệu xuất xứ và khả năng hấp thụ công nghệ cao nếu không được giải quyết kịp thời sẽ có nguy cơ nới rộng khoảng cách tụt hậu của khối doanh nghiệp nội địa, làm giảm đi hiệu quả thực tế của các ưu đãi từ CPTPP mang lại.